

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03 /2017/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý vật liệu xây dựng
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 26/11/2014;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/10/2010;
Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/10/2010;
Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;
Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005;
Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện;
Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;
Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;
Căn cứ Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BXD ngày 15/9/2014 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 317/TTr-SXD ngày 23/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *15/02/2017*.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



QUY ĐỊNH

Về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2017/QĐ-UBND
ngày 20 / 01 /2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định nội dung quản lý các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, gồm: hoạt động khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; trách nhiệm quản lý về vật liệu xây dựng của các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan có trách nhiệm quản lý Nhà nước về vật liệu xây dựng các cấp; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục đích - yêu cầu quản lý

1. Quy định này là cơ sở để thực hiện công tác quản lý Nhà nước về sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đồng thời tạo điều kiện nâng cao chất lượng công trình xây dựng, hạn chế những ảnh hưởng có hại đến môi trường, bảo đảm vệ sinh, giữ gìn cảnh quan đô thị, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội và góp phần bảo vệ lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng và người tiêu dùng.

2. Quy định trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng phải tuân thủ nghiêm các quy định về chất lượng vật liệu xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

4. Các cơ quan quản lý Nhà nước tăng cường công tác quản lý Nhà nước về chất lượng của vật liệu xây dựng từ khâu sản xuất, kinh doanh, vận chuyển và sử dụng trong các công trình xây dựng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Vật liệu xây dựng là sản phẩm có nguồn gốc hữu cơ, vô cơ, kim loại được sử dụng để tạo nên công trình xây dựng, trừ các trang thiết bị điện và thiết bị công nghệ.

2. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng có khả năng gây mất an toàn (sau đây gọi là sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2) là sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trong điều kiện vận chuyển, lưu giữ, sử dụng trong công trình xây dựng có tiềm ẩn nguy cơ gây hại cho người và công trình xây dựng, cho môi trường xung quanh.

3. Tiêu chuẩn về vật liệu xây dựng là những quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá các sản phẩm vật liệu xây dựng nhằm nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả sử dụng của vật liệu xây dựng.

Tiêu chuẩn do một tổ chức công bố dưới dạng văn bản để tự nguyện áp dụng.

4. Tiêu chuẩn cơ sở là tiêu chuẩn do tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, tổ chức khác công bố để áp dụng trong các hoạt động của tổ chức đó.

5. Quy chuẩn kỹ thuật về vật liệu xây dựng là những quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà các sản phẩm vật liệu xây dựng phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người; bảo vệ môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác.

Quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản để bắt buộc áp dụng.

6. Công bố tiêu chuẩn áp dụng là việc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng thông báo về tiêu chuẩn áp dụng hoặc các đặc tính cơ bản của các sản phẩm vật liệu xây dựng của mình sản xuất ra hoặc đang kinh doanh.

7. Công bố hợp quy là việc tổ chức, cá nhân phải công bố các sản phẩm vật liệu xây dựng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng khi chưa được chuyển thành các quy chuẩn kỹ thuật.

8. Chứng nhận hợp quy là việc xác nhận các sản phẩm vật liệu xây dựng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng khi chưa được chuyển thành các quy chuẩn kỹ thuật.

9. Tổ chức chứng nhận hợp quy là tổ chức thực hiện việc đánh giá, xác nhận các sản phẩm vật liệu xây dựng phù hợp với các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng khi chưa được chuyển thành các quy chuẩn kỹ thuật.

10. Dấu hợp quy là dấu hiệu chứng minh sự phù hợp của các sản phẩm vật liệu xây dựng với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Dấu hợp quy được cấp cho các sản phẩm vật liệu xây dựng sau khi các sản phẩm vật liệu xây dựng được chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy.

11. Tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa bao gồm kết quả đánh giá sự phù hợp, tài liệu quảng cáo, giới thiệu tính năng, công dụng, đặc tính, hướng dẫn sử dụng sản phẩm, hàng hóa và một số thuật ngữ khác quy định trong QCVN 16:2014/BXD.

12. Địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng bao gồm: Các trạm tiếp nhận, kho, bãi tồn trữ; trung tâm, siêu thị, chợ, cửa hàng buôn bán vật liệu xây dựng.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, CHẾ BIẾN, SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Điều 4. Hoạt động khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh phải chấp hành nghiêm chỉnh Luật Xây dựng, Luật Khoáng sản, Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định 1257/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phải chấp hành nghiêm chỉnh việc báo cáo cơ quan nhà nước khi có yêu cầu.

Điều 5. Điều kiện khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng

Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng phù hợp Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù hợp; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

2. Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

3. Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

Điều 6. Yêu cầu về chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng

1. Hoạt động chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về khoáng sản, môi trường, lao động và các pháp luật liên quan khác.

2. Cơ sở chế biến khoáng sản phải có bộ máy nhân lực được đào tạo, đủ năng lực vận hành thiết bị công nghệ và kiểm soát chất lượng sản phẩm; sử dụng thiết bị, công nghệ chế biến tiên tiến, hiện đại phù hợp với đặc điểm chế biến của từng loại khoáng sản để nâng cao tối đa hệ số thu hồi sản phẩm khoáng sản chế biến, có mức độ phát thải đạt tiêu chuẩn và quy chuẩn về môi trường.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có các quyền sau đây:

a) Sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến mục đích khai thác và khu vực được phép khai thác;

b) Tiến hành khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản;

c) Được thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích, độ sâu được phép khai thác, nhưng phải thông báo khối lượng, thời gian thăm dò nâng cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép trước khi thực hiện;

d) Cát giữ, vận chuyển, tiêu thụ và xuất khẩu khoáng sản đã khai thác theo quy định của pháp luật;

đ) Đề nghị gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản;

e) Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản;

g) Khiếu nại, khởi kiện quyết định thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai phù hợp với dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ đã được phê duyệt;

i) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ;

c) Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

d) Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường;

đ) Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản;

e) Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

g) Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

h) Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép trong khu vực khai thác khoáng sản;

i) Đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực;

k) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng

1. Quyền của tổ chức, cá nhân:

a) Lựa chọn, quyết định về công nghệ chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật;

b) Lựa chọn, quyết định và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng do mình sản xuất;

c) Quyết định về việc tổ chức và các biện pháp kiểm soát nội bộ về chất lượng sản phẩm và môi trường theo tiêu chuẩn chất lượng và môi trường;

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân:

a) Công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp quy đối với sản phẩm vật liệu xây dựng bắt buộc phải hợp quy và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất;

b) Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung của quyết định phê duyệt đầu tư;

c) Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc các nội dung ghi trong bản cam kết bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường;

d) Cung cấp đầy đủ thông tin, hướng dẫn sử dụng, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản vật liệu xây dựng;

đ) Ngừng sản xuất ngay và có biện pháp khắc phục hậu quả khi phát hiện sản phẩm vật liệu xây dựng không đạt tiêu chuẩn chất lượng và có nguy cơ gây thiệt hại cho người kinh doanh và người sử dụng; bồi thường thiệt hại cho người kinh doanh và người sử dụng do việc sử dụng sản phẩm vật liệu xây dựng không đạt tiêu chuẩn chất lượng gây ra;

e) Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra, chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Cung cấp thông tin về hoạt động sản xuất, chất lượng sản phẩm, môi trường cho các cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Điều 9. Địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng

1. Đối với cửa hàng, siêu thị kinh doanh vật liệu xây dựng, kho, bãi chứa vật liệu xây dựng:

a) Địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định của chính quyền địa phương, phù hợp quy hoạch sử dụng đất;

b) Có đủ diện tích cho việc xuất, nhập hàng hoá, đảm bảo không lấn chiếm vỉa hè, lòng đường gây ùn tắc giao thông;

c) Có biển hiệu theo quy định của pháp luật. Hàng hóa phải có xuất xứ, có đăng ký chất lượng, hướng dẫn sử dụng cho người tiêu dùng;

d) Phải có đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, biển báo an toàn tại nơi kinh doanh vật liệu xây dựng đối với các loại vật liệu xây dựng dễ cháy, có mùi, hóa chất độc hại, bụi bẩn;

2. Đối với cửa hàng giới thiệu sản phẩm vật liệu xây dựng thì cửa hàng và sản phẩm vật liệu xây dựng trưng bày phải phù hợp với các yêu cầu tại Điểm a, c Khoản 1 Điều này.

3. Các loại vật liệu xây dựng bị hư hỏng, kém phẩm chất, phế thải trong quá trình vận chuyển, lưu chứa, kinh doanh phải được chở về nơi sản xuất hoặc đổ đúng nơi quy định của chính quyền địa phương.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng

1. Quyền của tổ chức, cá nhân:

a) Có các quyền của thương nhân kinh doanh hàng hoá theo quy định của pháp luật về thương mại;

b) Quyết định về việc tổ chức và các biện pháp kiểm soát nội bộ về chất lượng vật liệu xây dựng.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng:

a) Tuân thủ các yêu cầu về kinh doanh vật liệu xây dựng theo quy định tại Điều 9 Quy định này;

b) Chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại trong trường hợp cung cấp sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng không đảm bảo chất lượng, ảnh hưởng đến chất lượng công trình xây dựng;

c) Tổ chức và kiểm soát quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản vật liệu xây dựng để duy trì chất lượng;

d) Cung cấp đầy đủ thông tin, các điều kiện phải thực hiện khi vận chuyển, cất giữ, bảo quản sản phẩm vật liệu xây dựng cho người mua;

đ) Khi nhận được thông tin về chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định từ nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, phải kịp thời cung cấp đầy đủ thông tin này và biện pháp xử lý cho người mua;

e) Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Thực hiện kê khai giá theo quy định.

Chương IV

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Điều 11. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng

Yêu cầu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo quy định tại Điều 33 Nghị định 24a/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng sản xuất trong nước đưa ra thị trường phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải đạt tiêu chuẩn đã công bố;

b) Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật thì phải bảo đảm chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật, phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy;

c) Những sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì nhà sản xuất phải có trách nhiệm công bố tiêu chuẩn cơ sở; khuyến khích sử dụng tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài làm tiêu chuẩn cơ sở.

d) Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng yêu cầu có nhãn hàng hóa thì nhãn hàng hóa phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa;

đ) Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng đã được chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy phải tuân thủ quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy.

2. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu phải công bố tiêu chuẩn áp dụng; sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được quản lý bằng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

3. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng khi sử dụng vào công trình xây dựng phải đảm bảo chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tuân thủ thiết kế.

Điều 12. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân trong xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu xây dựng

Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân trong xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân xuất khẩu vật liệu xây dựng:

a) Bảo đảm chất lượng vật liệu xây dựng phù hợp với hợp đồng thương mại;

b) Tuân thủ các yêu cầu về chất lượng vật liệu xây dựng xuất khẩu quy định trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam cam kết;

c) Trường hợp vật liệu xây dựng được tái nhập để sử dụng trong nước, nhà xuất khẩu phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định đối với nhà nhập khẩu vật liệu xây dựng;

d) Chịu sự quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hàng năm và đột xuất phải báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng việc xuất khẩu các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng chủ yếu.

2. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu vật liệu xây dựng:

a) Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu;

b) Tổ chức và kiểm soát quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản để duy trì chất lượng sản phẩm và yêu cầu về bảo vệ môi trường;

c) Chịu trách nhiệm việc tái xuất vật liệu xây dựng nhập khẩu không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng;

d) Vật liệu xây dựng nhập khẩu không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng nhưng không tái xuất được và không tái chế được, nhà

nhập khẩu phải thực hiện tiêu hủy trong thời hạn quy định, chịu toàn bộ chi phí cho việc tiêu hủy và có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan;

đ) Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về chất lượng, các điều kiện phải thực hiện khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản sản phẩm vật liệu xây dựng cho người kinh doanh và người sử dụng;

e) Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra, chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 13. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu

1. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 34, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cụ thể như sau:

a) Hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu phải được công bố tiêu chuẩn áp dụng và ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa.

b) Hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (QCVN 16:2014/BXD, QCVN 7:2011/BKHCN) liên quan đến quá trình sản xuất, sản phẩm cuối cùng bởi tổ chức chứng nhận được Bộ Xây dựng chỉ định.

c) Hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu thuộc nhóm 2 phải được kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu.

2. Các nội dung kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu được quy định tại Điều 8, Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 14. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường

1. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 38, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Khoản 1, Điều 32, Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng, cụ thể như sau:

a) Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trong quá trình lưu thông hàng hóa hoặc tự áp dụng các biện pháp kiểm soát chất lượng nhằm duy trì chất lượng của hàng hóa do mình bán. Sản phẩm vật liệu xây dựng phải đạt tiêu chuẩn đã công bố. Đối với sản phẩm thuộc danh mục phải tuân theo quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2014/BXD, QCVN 7:2011/BKHCN thì phải bảo đảm chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật, phải chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy.

b) Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng đã được chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy phải tuân thủ quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy.

c) Phải có công bố tiêu chuẩn áp dụng của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu; chịu trách nhiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa do mình kinh doanh; thực hiện

các biện pháp xử lý theo quy định khi phát hiện sản phẩm, hàng hóa đang kinh doanh không đảm bảo chất lượng so với tiêu chuẩn công bố áp dụng của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, quy chuẩn kỹ thuật.

d) Sản phẩm vật liệu xây dựng có nhãn và nhãn phải bảo đảm ghi đầy đủ nội dung theo quy định của Nghị định 89/2006/NĐ-CP về nhãn hàng hóa và của các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng khi chưa được chuyển thành các quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm vật liệu xây dựng.

đ) Chịu sự kiểm tra chất lượng hàng hóa theo quy định.

2. Các nội dung kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường được quy định tại Điều 12 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 15. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng sử dụng trong công trình xây dựng

1. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng sử dụng trong công trình xây dựng phải đáp ứng yêu cầu quy định Điều 42 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Điều 110 của Luật Xây dựng năm 2014, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Điều 14 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, cụ thể như sau:

a) Vật liệu, cấu kiện sử dụng vào trong công trình xây dựng phải theo đúng thiết kế xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có) đã được phê duyệt, bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

b) Ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ, vật liệu trong nước. Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước, việc sử dụng vật liệu nhập khẩu phải được quy định trong nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phù hợp với thiết kế xây dựng và chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có) do người quyết định đầu tư quyết định.

c) Hàng hóa vật liệu xây dựng phải được sử dụng, vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Người sử dụng, người sở hữu hàng hóa có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện quy định nhằm bảo đảm chất lượng hàng hóa trong quá trình sử dụng.

d) Hàng hóa vật liệu xây dựng phải được kiểm định theo quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

đ) Hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa phải kiểm định trong quá trình sử dụng sau khi được cấp giấy chứng nhận kiểm định mới được phép đưa vào sử dụng.

2. Các nội dung kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng trong quá trình sử dụng trong công trình xây dựng được quy định tại Điều 16, Nghị định số 132/2008/NĐ-CP.

Chương V

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 16. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung của công tác quản lý vật liệu xây dựng, cơ quan chủ trì quyết định việc áp dụng các phương thức phối hợp sau:

1. Lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Tổ chức họp.
3. Khảo sát, điều tra.
4. Lập tổ chức phối hợp liên cơ quan.
5. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan chủ trì hoặc cơ quan phối hợp và thông tin cho cơ quan phối hợp về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó.

Điều 17. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Xây dựng

Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước về vật liệu xây dựng; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa thực hiện việc quản lý Nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để thống nhất quản lý các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

b) Tổ chức lập, thẩm định các quy hoạch vật liệu xây dựng của tỉnh đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển quy hoạch vật liệu quốc gia, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng vùng, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu; quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và cung cấp thông tin về lĩnh vực vật liệu xây dựng.

c) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về chất lượng, về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

d) Hướng dẫn các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra chất lượng các loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc kê khai, niêm yết giá bán các mặt hàng vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng theo quy định.

g) Thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ đối với dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh theo phân cấp;

h) Tổ chức theo dõi, thống kê, tổng hợp về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn, báo cáo định kỳ hàng năm, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

i) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Tổ công tác để công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng, quý làm cơ sở để tham khảo lập dự toán và thanh quyết toán công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phổ biến thông tin Quyết định này trên trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư để các doanh nghiệp biết và thực hiện.

b) Cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp cho Sở Xây dựng theo quy định tại Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng của doanh nghiệp sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn các hoạt động quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực vật liệu xây dựng.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các nội dung sau:

- Cung cấp thông tin về: Tài liệu, thông tin về tình hình cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép của các tổ chức, cá nhân đầu tư khai thác khoáng sản, khai thác

tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Kiểm tra điều kiện năng lực và việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác của các tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường sản xuất vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

4. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện chương trình, đề án, cơ chế chính sách, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp vật liệu xây dựng: Xúc tiến thương mại, triển lãm hàng hóa và hội chợ về vật liệu xây dựng nhằm giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường (trong và ngoài nước) tiêu thụ sản phẩm, tạo dựng môi trường cho doanh nghiệp phát triển.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan trong việc quy hoạch xây dựng các cụm công nghiệp vật liệu xây dựng.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng và di dời địa điểm sản xuất vào khu quy hoạch.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện các nội dung sau:

- Quản lý, kiểm tra điều kiện hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng về nhãn mác, xuất xứ của vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường, việc niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết đối với các cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Tham gia Tổ công tác công bố giá vật liệu xây dựng.

5. Sở Giao thông vận tải

a) Thực hiện kiểm tra và xử lý các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông; tải trọng; lấn chiếm vỉa hè, lòng lề đường; gây bụi bẩn, mất mỹ quan đường phố.

b) Tham gia Tổ công tác công bố giá vật liệu xây dựng.

6. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng xem xét bố trí vốn cho công tác lập quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng và các quy hoạch liên quan đến vật liệu xây dựng.

b) Tham mưu bố trí kinh phí để hoàn thành nhiệm vụ trong việc tổ chức kiểm tra, thanh tra các hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và quản lý chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng lưu thông trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn các chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ hiện đại khi chấm dứt hoạt động các cơ sở sản xuất có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường và hiệu quả kinh tế thấp.

d) Tham gia Tổ công tác công bố giá vật liệu xây dựng. Đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ các thành viên trong Tổ công bố giá;

7. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Sở Xây dựng:

- Hướng dẫn việc áp dụng và công bố sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng đặc thù, yêu cầu cụ thể về điều kiện môi trường, đảm bảo phù hợp với đặc điểm và sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Quản lý, kiểm tra điều kiện hoạt động của các cơ sở khai thác, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng về thiết bị, công nghệ trong đầu tư khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng.

- Kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng tại các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

- Tham gia Tổ công tác công bố giá vật liệu xây dựng.

b) Định kỳ 6 tháng, năm cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng về các doanh nghiệp và sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng công bố hợp chuẩn.

8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về: bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động; kiểm tra đối với máy móc, thiết bị đưa vào sản xuất, chế biến, khai thác đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

9. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan:

- Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong sản xuất vật liệu xây dựng, các quy định pháp luật về kinh doanh vật liệu xây dựng cho các đơn vị hoạt động vật liệu xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất đối với các đơn vị hoạt động về lĩnh vực vật liệu xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn và quản lý thực hiện xây dựng theo quy hoạch tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, tổ chức rà soát quy hoạch xây dựng khu công nghiệp nhằm giới thiệu, tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng được đầu tư, hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp phù hợp đánh giá tác động môi trường về ngành nghề của khu công nghiệp.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng cung cấp thông tin về tình hình hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Định kỳ 6 tháng, hàng năm cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng về tình hình sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng của các đơn vị hoạt động lĩnh vực vật liệu xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Cục Hải quan tỉnh

a) Phối hợp với Sở Xây dựng và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong công tác quản lý chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng cung cấp thông tin về tình hình hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Định kỳ 6 tháng, hàng năm cung cấp cho Sở Xây dựng thông tin về chủng loại, số lượng, thương hiệu, xuất xứ và các thông tin liên quan về tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Công an tỉnh

Chỉ đạo các lực lượng công an phối hợp với Thanh tra Xây dựng, Thanh tra giao thông, Quản lý thị trường, chính quyền các địa phương kiểm tra và xử lý các tổ chức, cá nhân kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng trên địa bàn vi phạm hành chính về điều kiện kinh doanh tại Quy định này trong lĩnh vực trật tự an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội.

12. Cảnh sát phòng cháy chữa cháy tỉnh

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy.

Điều 18. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thường trực Ban An toàn giao thông tỉnh thực hiện việc quy định khu vực, đường phố, địa điểm sản xuất, kinh doanh vật liệu

xây dựng, nơi để phế thải vật liệu xây dựng phù hợp với quy hoạch của địa phương; hàng năm có khảo sát và điều chỉnh lại các quy định khu vực, đường phố, địa điểm cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Quản lý các hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn, tăng cường công tác kiểm tra các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, phát hiện và xử lý các sai phạm trên địa bàn; báo cáo kịp thời và đề xuất giải pháp xử lý cho Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh nếu vượt quá thẩm quyền giải quyết.

3. Đề xuất việc xây dựng quy hoạch, bổ sung quy hoạch các địa điểm được phép sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng đảm bảo phù hợp với các quy định của tỉnh và điều kiện thực tế tại địa phương.

4. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê tỉnh và Sở Xây dựng thực hiện các cuộc điều tra thống kê các tổ chức, cá nhân thực tế khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (số lượng, quy mô và chủng loại) trên địa bàn theo phương án điều tra của tỉnh.

5. Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm.

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định các mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn (nếu có) để đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác nhằm phục vụ nhu cầu xây dựng của tỉnh.

7. Tham gia Tổ công tác công bố giá vật liệu xây dựng.

8. Định kỳ hàng quý cung cấp cho Sở Xây dựng danh sách hộ kinh doanh đăng ký cấp mới, thay đổi nội dung kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt kinh doanh, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Định kỳ ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12 hàng năm và đột xuất báo cáo về Sở Xây dựng tình hình hoạt động của các tổ chức, cá nhân khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn; tình hình thực hiện Quy định khu vực đường phố, địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng, nơi đổ phế thải vật liệu xây dựng.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 19. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

1. Tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đều phải chịu sự thanh, kiểm tra của chính quyền các cấp; các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành và theo quy định này.

2. Kiểm tra, thanh tra sự tuân thủ các điều kiện sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; chất lượng vật liệu xây dựng; công tác đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất khi có khiếu nại, tố cáo, hoặc có dấu hiệu vi phạm.

4. Các tổ chức, cá nhân khi có hành vi vi phạm hành chính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở các tổ chức, cá nhân hoạt động hợp pháp trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng hoặc trục lợi cá nhân sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

6. Việc xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện Quy định này, tham mưu xử lý các vi phạm theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc các sở, ban, ngành, UBND các cấp, các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng) để xem xét giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

